

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS-PT
Ngày: 12-01-2021
V/v tranh chấp: “Yêu cầu chấm
dứt hành vi cản trở quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều

Bà Nguyễn Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 497/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 168/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 609/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1958;

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1954 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 232, ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

(Theo văn bản ủy quyền 26 tháng 6 năm 2019)

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1959 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Bảo Thư, sinh năm 1993 (có mặt);

2. Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1996 (có mặt);
Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Ủy ban nhân dân xã A, huyện C.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn Dương; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A (có văn bản vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị V.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Phạm Văn H, người đại diện theo ủy quyền của ông H là bà Nguyễn Ngọc P thống nhất trình bày:

Ngày 21/12/1999 ông H và bà V có lập giấy tay chuyển nhượng cho ông H căn nhà có kích thước ngang 4,5m dài 24m có Ủy ban nhân dân xã A, huyện C chứng thực nhà và đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp Quốc lộ 1A, Hướng Tây giáp bà Kim Anh; Hướng Nam giáp tiệm chụp hình Thiên Kim và Hướng Bắc giáp Nhà thờ Tin Lành. Sau khi chuyển nhượng do chưa sử dụng, nên ông H cho ông H và bà V ở nhờ, bà V ông H có làm bản cam kết ngày 16/10/2003. Đến năm 2004 do có nhu cầu lấy lại nhà và đất thì phát sinh tranh chấp. Tại bản án số 29/DSPT, ngày 18/01/2005 buộc ông H và bà V giao thửa đất và căn nhà cho ông H, bản án trên được cơ quan thi hành án huyện C đã thi hành xong vào ngày 06/12/2006, ông H đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất thửa 366, tờ bản đồ số 5, diện tích 103,8m² vào sổ cấp giấy số CH05394, ngày 18/7/2018 nhưng theo biên bản về việc tự nguyện thi hành án ngày 06/12/2006 thì hướng Đông của thửa đất giáp phần đất vi phạm lộ giới quốc lộ 1A, phần đất này có diện tích 38,11m² giáp quốc lộ 1A ông H và bà V chiếm giữ và dùng lưới B40 kéo bít lại phía trước thửa đất 366 và căn nhà của ông H, nên từ đó đến nay ông H không sử dụng được căn nhà và thửa đất bên trong. Để vào căn nhà này ông H phải đi nhờ qua Nhà thờ Tin Lành, trèo qua cửa sổ mới vào nhà được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P đại diện ủy quyền của ông H khai thửa đất này có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị Hồng Nhung bán cho ông Lê Văn Tốt. Tại giấy viết tay ngày 05/8/1990 có thể hiện là khi chuyển nhượng hướng Đông giáp quốc lộ 1A là bán luôn phần hành lang lộ giới. Đến ngày 30/10/1998 ông Tốt chuyển nhượng lại cho ông H và bà V, trong giấy viết tay chuyển nhượng nhà và đất cũng ghi hướng Đông giáp quốc lộ 1A là cũng bán luôn phần hành lang lộ giới. Đến ngày 21/12/1999 ông H và bà V chuyển nhượng lại cho ông H cũng ghi giấy tay là hướng Đông giáp quốc lộ 1A giao kết bán đất là bán luôn phần hành lang lộ giới. Đồng thời khi mua bán cũng xác định là phần đất hành lang lộ giới không được cấp giấy nên giao ông H và bà V giao giấy mua bán tay từ bà

Nhưng chuyển nhượng sang ông Tốt, và từ ông Tốt sang lại ông H cho ông H cất giữ và thỏa thuận là bán hết đất tính đến quốc lộ 1A. Nhưng nay ông H và bà V không giao phần đất thuộc hành lang lộ giới. Từ đó ông H không sử dụng được thửa đất và căn nhà đã mua của ông H.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H bà V cùng các thành viên trong hộ là Nguyễn Bảo Thụ và Nguyễn Quang Huy thực hiện mua bán giấy tay đã lập ngày 21/12/1999 là chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất phần đất thuộc hành lang lộ giới của ông H đối với thửa đất số 366, tờ bản đồ số 5, diện tích 103,8m² vào sổ cấp giấy số CH05394, ngày 18/7/2018 cấp cho cá nhân ông H và căn nhà trên đất: Là tháo dỡ di dời toàn bộ căn nhà là mái che phía trước thửa đất số 366 có diện tích 38,11m², để ông H thực hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất và căn nhà của ông H.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị đơn Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V đã được tổng đạt giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt.

Ông H có bản tự khai gửi cho Tòa án đề ngày 09/3/2020 xác định có bán nhà đất cho ông H, Cơ quan Thi hành án đã giao xong, còn phần đất phía trước là thuộc quyền sở hữu của ông nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông H cũng xác định Tòa án có thư mời đến Tòa để giải quyết vụ án và có thành lập Hội đồng đến phần đất tranh chấp thẩm định, định giá và đo đạc phần đất tranh chấp, nhưng ông H không đồng ý cho thẩm định, định giá và đo đạc vì đất này của ông H.

Đối với bà Nguyễn Thị V được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của ông H và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng bà V vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của bà cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Bảo T và anh Nguyễn Quang H được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của ông H và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã A có đơn xin vắng mặt ngày 31/7/2020 và không có ý kiến gì về vụ án. Đồng thời Ủy ban nhân dân xã A cũng xác định phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là thửa 13 tách ra từ thửa thành hai thửa 365 và 366, Thửa 366 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Thửa 365 nằm trong hành lang lộ giới chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ khoản 9, Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm c, khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 164, 166 và 169 của Bộ luật Dân sự.
- Căn cứ Điều 203 Luật đất đai.
- Căn cứ Điều 42 Nghị Định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính Phủ.
- Căn cứ khoản 5 Điều 3 và khoản 4 Điều 43 Luật giao thông đường bộ.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H:

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị V cùng các thành viên trong hộ là Nguyễn Bảo Thư và Nguyễn Quang Huy chấm dứt hàng vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn H đối với thửa đất số thửa 366, tờ bản đồ số 5, diện tích 103,8m² vào sổ cấp giấy số CH05394, ngày 18/7/2018 cấp cho cá nhân ông H. Thửa đất có địa chỉ tại ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tháo dỡ di dời mái che và toàn bộ tài sản trên phần đất có diện tích 38,11m² là hành lang lộ giới của quốc lộ 1A, phía trước thửa đất số 366 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp Nhà thờ Tin Lành A.
- Hướng Nam giáp thửa đất của bà Huỳnh Thị Tuyết D.
- Hướng Đông giáp Quốc lộ 1A.
- Hướng Tây giáp thửa đất số 366 của ông Phạm Văn H.

(có sơ đồ đất kèm theo)

Thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/10/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 13/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có quyết định kháng nghị số 382/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/10/2020 kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm nêu trên với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án dân sự sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang giữ nguyên quyết định kháng nghị số 382/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng là chưa xác định đúng chủ thể đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã A là ai. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là quyền sử dụng đất và đòi quyền sử dụng đất thì quan hệ pháp luật tranh chấp này đã giải quyết bằng bản án phúc thẩm số: 631/2007/DS-PT ngày 26/11/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã có hiệu lực pháp luật. Chưa thu thập hồ sơ thi hành án về việc thi hành án của bản án số 29/2005/DSPT ngày 18/01/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã thi hành chưa, chưa làm rõ tài sản của ông H bà V hiện nay xây cất trên diện tích 38,11m². Đồng thời phần đất tranh chấp là nằm trong hành lang an toàn đường bộ theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C là chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là không đúng thẩm quyền nên đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Bảo T và anh Nguyễn Quang H được Tòa án triệu tập hợp lệ như vắng mặt không lý do, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H, bà V, chị T và anh H là có căn cứ. Đối với Ủy ban nhân dân xã A, Tòa án cấp sơ thẩm có đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng phần đầu bản án Tòa án cấp sơ thẩm không ghi người đại diện theo pháp luật là thiếu sót việc thiếu sót này không ảnh hưởng nghiêm trọng đến những người tham gia tố tụng, hơn nữa đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã A là ông Đinh Văn D – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh bổ sung thêm đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã A là ông Đinh Văn D cho phù hợp.

[2] Về thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị V và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy tại đơn sửa chữa, bổ sung đơn khởi kiện của ông Phạm Văn H ngày 10/12/2019 và cũng như tại biên bản hòa giải ngày 30/6/2020 của Tòa án ông H yêu cầu phần đất có diện tích 38,11m² nay là thửa 365 ông đã mua của ông H bà V theo giấy tay chuyển nhượng ngày 21/12/1999 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã A, hướng Đông giáp quốc lộ 1A phần đất này nằm trong hành lang lộ giới không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông H bà V không giao cho ông làm cản trở việc sử dụng đất của ông thửa 366 không có lối đi ra Quốc lộ 1A, nên ông yêu cầu ông H, bà V chấm dứt hành vi cản trở và tháo dỡ toàn bộ tài sản trên diện tích đất 38,11m² để ông có lối đi ra Quốc lộ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi quyền sử dụng đất và chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất là không đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 164 Bộ luật Dân sự, quan hệ pháp luật này chưa được giải quyết bằng bản án số: 631/2007/DS-PT ngày 26/11/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị V và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử nhận thấy tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nhà đất tranh chấp có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị Hồng N, ngày 05/8/1990 bà Nhung bán cho ông Lê Văn T hai bên có làm giấy viết tay nhượng đất có Ủy ban nhân dân xã A, huyện C xác nhận thể hiện là khi chuyển nhượng hướng Đông giáp Quốc lộ 1A là bán luôn phần hành lang lộ giới, ông Tốt sử dụng đến ngày 30/10/1998 chưa kê khai đăng ký thì ông Tốt chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V nhà đất tại số 04 tổ 1, ấp 01, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang, hai bên có làm giấy tay có Ủy ban nhân dân xã A, huyện C chứng thực ngày 05/6/1999 có kích thước ngang 4,4m dài 33m tứ cận hướng Đông giáp quốc lộ 1A, Tây giáp bà Lê Thị Kim Anh, Bắc giáp nhà thờ tin lành, Nam giáp tiệm chụp hình Thiên Kim gồm có 03 phần: Phần 1 từ Quốc lộ trở vào 10m, phần 2 từ nhà ngói ngang 4,4m dài 13m, phần 3 ngang 4,4m dài 11,6m đang xây dở dang. Nhưng phần 1 của giấy mua bán từ Quốc lộ 1A vào 10m thì ngày 10/11/1991 ông Tốt có đơn xin che phần trước nhà bằng cây khi nào có lệnh giải tỏa lòng lề lộ thì ông sẽ dỡ lòi vô được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C. Ông H bà V sử dụng đến ngày 21/12/1999 chưa kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V làm giấy tay chuyển nhượng nhà đất cho ông Phạm Văn H nêu trên có Ủy ban nhân dân xã A chứng thực. Căn nhà có kích thước 4,5m dài 24m có tứ cận hướng Đông giáp quốc lộ 1A, Tây giáp bà Lê Thị Kim Anh, Bắc giáp nhà thờ tin lành, Nam giáp tiệm chụp hình Thiên Kim. Ông H bà V giao toàn bộ giấy tờ mua bán từ bà Nhung chuyển qua ông Tốt, từ ông Tốt chuyển qua cho ông H, bà V cho ông H giữ. Do chưa có nhu cầu sử dụng nên ông H cho ông H, bà V ở nhờ, ông H giữ lại 50.000.000 đồng khi nào ông H lấy nhà thì chồng cho ông H bà V số tiền còn lại 50.000.000 đồng, ông H bà V có làm bản cam kết

ngày 16/10/2003. Khi ông H lấy nhà thì ông H bà V không thực hiện giao nhà năm 2005 ông H phải khởi kiện ông H bà V đòi nhà được Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết tại bản án số: 29/2005/DSPT ngày 18/01/2005 buộc ông H, bà V giao nhà đất cho ông H. Khi án có hiệu lực pháp luật cơ quan thi hành án dân sự huyện C có công văn số: 171/THA ngày 21/10/2005 đề nghị Tòa án nhân dân huyện C và Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải thích bản án số: 29/DS-PT ngày 18/01/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Tại công văn giải thích bản án ngày 24/10/2005 của Tòa án nhân dân huyện C và công văn số: 28/TAT ngày 15/12/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải thích như sau: “Căn cứ vào giấy chuyển nhượng nhà đất mà hai bên ký kết ngày 21/12/1999 có tứ cận hướng Đông giáp Quốc lộ 1A thì không thể chấp nhận bên phía phải thi hành án được chừa lại diện tích đất nào của căn nhà này”. Trên cơ sở giải thích của Tòa án nhân dân huyện C và Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thì bản án dân sự phúc thẩm số: 29 ngày 18/01/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang cũng đã công nhận phần đất cho ông H hướng Đông giáp quốc lộ 1A. Cơ quan thi hành án huyện C đã thi hành xong vào ngày 06/12/2006 có biên bản tự nguyện thi hành án (BL01) nhưng hướng Đông lại giáp phần đất vi phạm lộ giới chưa giáp Quốc lộ 1A. Phần đất này nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ khi ông Tốt bán nhà cho ông H bà V có nêu từ Quốc lộ 1A vào 10m ông Tốt có làm đơn xin che mái che phần phía trước có xin phép Ủy ban nhân dân xã A, huyện C khi nào nhà nước làm hành lang lộ thì ông tháo dỡ, phần này bà V, ông H không giao, ngôi nhà ông H hướng Đông chưa giáp quốc lộ 1A theo giấy tay chuyển nhượng ngày 21/12/1999 nên ông H không có lối đi ra Quốc lộ 1A. Năm 2007 ông H khởi kiện bà V và ông H đòi tiếp phần đất có diện tích 38,1m² được Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết tại bản án số: 631/2007/DS-PT ngày 26/11/2007 cho rằng diện tích đất 38,1m² là đất nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ đường bộ là đất của nhà nước nên không chấp nhận yêu cầu của ông H và cũng không xác định phần đất trên là của ai nên từ đó bà V và ông H sử dụng đến nay nên ngôi nhà của ông H phải đóng cửa vì không có lối đi.

Hội đồng xét xử xét thấy căn nhà và phần đất nêu trên ông H đã được Ủy ban nhân dân xã A cho đăng ký vào năm 2002 có sơ đồ tổng thể là thửa số 13, tờ bản đồ số 05 diện tích là 143,5m² hướng Đông giáp quốc lộ 1A (BL02) thời điểm này ông H bà V đã chuyển nhượng nhà đất cho ông H (từ năm 1999) hướng Đông là giáp quốc lộ 1A có Ủy ban nhân dân xã A chứng thực thì nhà đất trên thuộc quyền sử dụng của ông H, không còn thuộc quyền sử dụng của ông H bà V lẽ ra ông H đi kê khai đăng ký mà Ủy ban nhân dân xã A, huyện C lại cho ông H đăng ký là không đúng qui định. Tại công văn số: 199/CV-UBND ngày 31/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã A huyện C (BL 94) xác nhận thửa 13, tờ bản đồ số 05 được tách ra 02 thửa, thửa 366 diện tích diện tích là 103,8m² Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, thửa 366 hướng Đông giáp thửa 365 và thửa 365 diện tích 38,11m² hướng đông giáp quốc lộ 1A toàn bộ diện tích thửa 365 nằm

trong hành lang bảo vệ đường bộ nên chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai nên ông H bà V cũng không có quyền sử dụng. Như theo nhận định trên phần đất này ông H nhận chuyển nhượng theo giấy tay ngày 21/12/1999 có hướng Đông giáp quốc lộ 1A thì ngôi nhà ông H mới có lối ra. Do đó phần đất thửa 365 nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường bộ có diện tích 38,11m² là thuộc quyền sử dụng của ông H từ ngày 21/12/1999 và cũng được Tòa án nhân dân huyện C và Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã giải thích bản án dân sự phúc thẩm số: 29 ngày 18/01/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tại các công văn đã nêu trên. Theo khoản 3 Điều 97 Luật đất đai 2003 và khoản 3 Điều 157 Luật đất đai năm 2013 qui định “Người sử dụng đất được pháp luật thừa nhận mà đất đó nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình thì được tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích đã được xác định và không được cản trở cho việc bảo vệ an toàn công trình”. Ông H bà V đã chuyển nhượng phần đất này cho ông H từ năm 1999 hướng Đông giáp quốc lộ 1A nhưng ông H bà V sử dụng đất đến nay không được pháp luật thừa nhận mà xây cất mái che, nhà ở trên phần đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường bộ là không đúng mục đích làm cản trở việc sử dụng đất của ông H phần đất thửa 366 không có lối đi. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành xem xét thẩm định, định giá tài sản mà ông H bà V cản trở việc xem xét thẩm định của Tòa án có biên bản ngày 06/3/2020 và ngày 05/6/2020 không phải tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét tài sản của bà V, ông H trên diện tích đất 38,11m², tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đương sự cũng không yêu cầu xem xét thẩm định lại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông H buộc ông H, bà V cùng chị Thu, anh Huy tháo dỡ di dời mái che và toàn bộ tài sản trên phần đất có diện tích 38,11m² là hành lang bảo vệ an toàn đường bộ làm cản trở việc sử dụng đất của ông H ở thửa 366 là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, bà V kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị V.

[5] Đối với kháng nghị số: 382/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C vì cho rằng đất nằm trong hành lang an toàn đường bộ là đất của nhà nước Tòa án giải quyết là không đúng thẩm quyền. Xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là không phù hợp với khoản 3 Điều 97 Luật đất đai 2003 và khoản 3 Điều 157 Luật đất đai năm 2013 bởi vì đất trong hành lang bảo vệ đường bộ thì người sử dụng đất vẫn tiếp tục sử dụng phải đúng mục đích như phần đất này ông H bà V đã chuyển nhượng cho ông H từ năm 1999 là thuộc quyền sử dụng của ông H thì ông H phải sử dụng đúng mục đích, bà V ông H đã sử dụng mái che làm nhà ở trước nhà ông H là cản trở đến việc sử dụng đất của ông H thửa 366 không có lối đi ra Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc hộ ông H bà V tháo dỡ và chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất là đúng

thẩm quyền. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông H, bà V là người cao tuổi Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà V ông H chịu án phí là không đúng theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên ông H bà V được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Do đó Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 9, Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm c, khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 147; khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 164, 166 và 169 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Điều 97 Luật đất đai năm 2003 và Điều 157 Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ Điều 42 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính Phủ.

- Căn cứ khoản 5 Điều 3 và khoản 4, Điều 43 Luật giao thông đường bộ.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị V;

Không chấp nhận kháng nghị số: 382/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về án phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H:

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị V cùng các thành viên trong hộ là Nguyễn Bảo Thư và Nguyễn Quang Huy chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn H đối với thửa đất số thửa 366, tờ bản đồ số 5, diện tích 103,8m² vào sổ cấp giấy số CH05394, ngày 18/7/2018 cấp cho cá nhân ông H. Thửa đất có địa chỉ tại ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tháo dỡ di dời mái che (dạng nhà ở) và toàn bộ tài sản trên phần đất có diện tích 38,11m² là hành lang bảo vệ an toàn đường bộ của quốc lộ 1A, phía trước thửa đất số 366 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp Nhà thờ Tin Lành A.

- Hướng Nam giáp thửa đất của bà Huỳnh Thị Tuyết Dung.
- Hướng Đông giáp Quốc lộ 1A.
- Hướng Tây giáp thửa đất số 366 của ông Phạm Văn H.

(có sơ đồ đất kèm theo)

Thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm do là người cao tuổi. Bà V được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0004103 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Phạm Văn H được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0002065, ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Em